TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **171**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 9 - 2021
V/v Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu.
2. Bà Hoàng Thị Ngọc.
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: *Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên*

Ngày 28/9/2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1987.Có mặt.
Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1987. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V ngày 17/6/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 13/02/2006 tại UBND xã L (nay là thị trấn L), huyện Yên Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 4 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên rượu chè, chửi bới, đánh đập chị nhiều lần. Mặc dù chị đã phân tích, tha thứ cho anhT nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Vợ chồng sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ ngày 30/4/2014 đến nay. Hiện tại chị V không có thai nghén gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị làm đơn xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là là Phạm Yến N, sinh ngày 30/7/2006 và cháu Phạm Tuấn H, sinh ngày 27/3/2010. Hiện nay 02 con đang ở với chị V. Chị V có nguyện vọng nuôi cả 02 con. Về cấp dưỡng, chị V không yêu cầu.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy không có lời khai của anh T và không tiến hành hòa giải được. Quá trình giải quyết Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và các giấy triệu tập đương sự, anh Nguyễn Văn T và gia đình đã nhận được nhưng anh T vẫn vắng mặt. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng tại UBND thị trấn L theo quy định.

Tại giấy báo cáo 22/09/2021 bà Phạm Thị Mai, sinh năm 1965 là mẹ đẻ anh T trình bày: Anh T và chị V kết hôn với nhau đến nay đã được 16 năm. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc không có vấn đề gì. Đến khi chị V sinh con thứ 2, vợ chồng có đi làm ăn trong miền Nam thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do chị V không quan tâm gì đến chồng con, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Vợ chồng đã sống ly thân 05 năm nay. Nay chị V làm đơn xin ly hôn bà xét thấy tình cảm chị V và anh T không còn, bà cũng đồng ý để chị V và anh T được ly hôn. Do anh T đi làm trong miền Nam, vì dịch bệnh COVID -19 phải cách ly nên không thể về để giải quyết việc xin ly hôn giữa chị V và anh được. Bà thay mặt anh T đã nhận đầy đủ các giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Yên Định, bà đã thông báo cho anh T biết và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung, hiện nay các cháu đang ở với chị V. anh T đồng ý giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, và không yêu cầu phải đóng góp nghĩa vụ nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Tài sản và công nợ không có gì.

Tại phiên tòa: Anh T vắng mặt vì có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị V vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và nuôi con, về tài sản chung và nghĩa vụ chung không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS. Đề nghị HĐXX giải quyết: Về Hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: Giao cháu Phạm Yến N và cháu Phạm Tuấn H cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con hai bên có quyền thay đổi người nuôi con chung theo quy định. Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị V và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tại phiên tòa anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh T không quan tâm đến gia đình, không chăm lo cho vợ con. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không thể hàn gắn được.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị V và anh T sống ly thân hơn từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh T đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung là Phạm Yến N, sinh ngày 30/7/2006 và cháu Phạm Tuấn H, sinh ngày 27/3/2010. Nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. HĐXX xét thấy: Nguyện vọng xin nuôi con của chị V chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật. Lâu nay cháu N và cháu H đều ở với chị V, về phía anh T cũng đồng ý để chị nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho chị V nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng chị V không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2.3. Về tài sản và công nợ chung: Chị V trình bầy vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị V khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

Về hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị V và anh T có 02 con chung. Giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Yến N, sinh ngày 30/7/2006 và cháu Phạm Tuấn H, sinh ngày 27/3/2010. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị V không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà chị V đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2015/0005496 ngày18/6/2021. Chấp nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị V trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với anh T vắng mặt, thời hạn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND TT L;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng